TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/DS-ST
Ngày 30 tháng 5 năm 2019.
V/v tranh chấp "Hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Vũ Sơn.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Lâm Sơn.**

2. Bà **Phan Thị Nga.**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Ngô Thị Lắm**, cán bộ Tòa án nhân dân huyện C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà **Đoàn Thụy Thùy Trang** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 439/2018/TLST-DS ngày 13.12.2018 về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị T H , sinh năm 1971; địa chỉ: số 343 ấp 2, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1986 (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1985. Cùng ngụ ấp 1, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản không hòa giải, tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị T H trình bày: Do chỗ quen biết với bà T, ông P. Bà có làm chủ các dây hụi, bà T tham gia:

Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng hụi khui vào ngày 10/11/2014(al) hụi gồm 25 hụi viên, bà T tham gia 02 chân, đến ngày 10/5/2015 hụi khui đến lần thứ 7 bà T bỏ hốt, hốt được số tiền 16.300.000, sau đó bà có chầu được 02 lần hụi chết.
Đến ngày 10.8.2015 hốt thêm chân thứ 02 bà không đồng ý cho hốt (chân hụi này bà T chầu được 09 lần hụi sống không nhớ số tiền bao nhiêu) bà cũng đồng ý trừ số tiền hụi sống mà bà T đóng tổng cộng là 9.000.000 đồng. Do đó dây hụi này bà T còn thiếu lại: 16.000.000 đồng – 9.000.000 đồng = 7.000.000 đồng.

Ngoài ra bà T còn tham gia 02 dây hụi ngày:

Dây thứ 1: Chân 50.000 đồng khui ngày 13/3/2015 (al), chị T tham gia 05 phần, hụi gồm 80 hụi viên, bà T chầu được 20 lần, đến lần thứ 21 hốt được số tiền 19.225.000 đồng, trừ huê hồng 250.000 đồng còn lại 18.975.000 đồng. Dây hụi này bà T còn nợ lại 51 ngày không chầu tổng số tiền 12.750.000 đồng.

Dây thứ 2: Chân 50.000 đồng khui ngày 10/6/2015 (al), chị T tham gia 05 phần, mỗi ngày chầu 250.000 đồng, bà T hốt được số tiền bao nhiêu bà không nhớ, nhưng đến ngày 11/8/2015 (al) còn nợ lại 15 ngày x 250.000 đồng = 3.750.000 đồng.

Tổng cộng các dây hụi bà T còn nợ lại số tiền 23.500.000 đồng. Việc hốt hụi và chầu hụi do bà với bà T giao nhận với nhau, ông P chồng bà T cũng biết. Nay bà yêu cầu ông P, bà T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà tổng số tiền 23.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị Ánh T đến tham gia phiên họp và hòa giải theo đúng trình tự của pháp luật nhưng ông P, bà T không đến nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến giải quyết vụ án:

Ngày 10/11/2014 (al) đến ngày 10/6/2015 (al) bà T có tham gia 03 dây hụi do bà làm chủ, đã hốt hụi xong và còn nợ 23.500.000 đồng. Nay, bà H yêu cầu bà T và ông P liên đới trả số tiền 23.500.000 đồng, rút lại yêu cầu tính lãi. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà H là phù hợp khoản 2 Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Phía bà T và ông P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi ý kiến.

Xét thấy, hợp đồng hụi giữa bà H và bà T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và được thể hiện bằng giấy hụi 1.000.000 đồng /tháng, 50.000 đồng / tháng/ ngày, có các hụi viên cùng tham gia. Do bà T không thực hiện nghĩa vụ của hụi viên nên bà H khởi kiện là có căn cứ và phù hợp các Điều 282, 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử các Điều 282, 471 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xem xét:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T H .

Buộc ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị Ánh T có nghĩa vụ liên đới trả bà Lê Thị T H số tiền hụi 23.500.000 đồng (Hai mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị Ánh T cư trú ấp 1, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị Ánh T được tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ Điều 228, 238 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông P.

[2] Qua lời khai của bà Lê Thị T H các tài liệu chứng cứ cung cấp và qua quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định giữa bà T H với bà T, ông P có ký kết hợp đồng góp hụi giữa hai bên phù hợp với quy định của pháp luật. Nên được pháp luật công nhận và bảo vệ, do đến kỳ hạn thanh toán tiền hụi chết nhưng bà T, ông P không thực hiện nghĩa vụ giao số tiền trên cho bà T H là vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 để Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà T, ông P là vợ chồng, trong thời kỳ hôn nhân căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì bà T, ông P có Nghĩa vụ liên đới trong việc nợ chung của vợ chồng. Vì vậy Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà T H , buộc ông P, bà T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T H số tiền hụi 23.500.000 đồng là phù hợp với quy định pháp luật.

Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T H buộc ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị Ánh T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền hụi 23.500.000 đồng (hai mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng).

[3] Về lãi suất: Tại phiên Tòa bà Lê Thị T H rút lại yêu cầu tính lãi suất. Đây là sự tự nguyện của đương sự, nghĩ nên đình chỉ đối với yêu cầu này phù hợp Điều 217, Điều 219 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị Ánh T chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Các Điều 282, Điều 471 Bộ luật dân sự.

- Các Điều 26, 35, 39, khoản 2 Điều 71, 144, 146, 147, 217, 219, 235, 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T H .

- Buộc ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị Ánh T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị T H số tiền hụi 23.500.000 đồng (hai mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng).

- Đình chỉ yêu cầu tính lãi của bà Lê Thị T H đối với ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị Ánh T.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị Ánh T phải chịu 1.175.000 đồng (một triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị T H được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 587.000 đồng (năm trăm tám mươi bảy ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000418 ngày 13.12.2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Vũ Sơn

Nơi nhận:
-TAND tỉnh An Giang;
-VKSND huyện C;
-Chi cục THADS huyện C;
-Các đương sự;
-Lưu.